

Số: **72/2021/QĐST-VHNGĐ**

A Lưới, ngày 21 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 ; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 70/2021/TLST ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Tổ 1, tổ dân phố số 1, thị trấn AL, huyện A Lưới, tỉnh T.T. Huế.

- Anh Phạm Hữu D, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Tổ 1, tổ dân phố số 1, thị trấn AL, huyện A Lưới, tỉnh T.T. Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 14 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện A Lưới nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 08/7/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn AL, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ban đầu anh D và chị H có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, hoà thuận. Tuy nhiên, sau một thời gian vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, không ai còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D là hoàn toàn tự nguyện,

không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hữu D.

[2] Về con chung: Anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Vân A, sinh ngày 12/12/2019. Anh D và chị H thỏa thuận với nhau giao cháu Vân A cho chị H trực tiếp nuôi trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); anh D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng hàng tháng kể từ khi ly hôn đến khi cháu Vân A đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Sự thỏa thuận về nuôi con chung của anh D và chị H là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Phạm Hữu D và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận chị H chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hữu D thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Vân A, sinh ngày 12/12/2019 cho chị H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); anh Phạm Hữu D nộp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) hàng tháng kể từ khi ly hôn đến khi cháu Vân A đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hữu D trình bày không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hữu D trình bày tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hữu D: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002819 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CC THADS huyện A Lưới;
- UBND TT AL;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ, dán án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hồ Văn Vĩnh